

Bản án số: 21/2023/DS-PT

Ngày: 15-02-2023

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Tự

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Tồn

Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 19-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị M, cư trú lại: khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Hoàng M, địa chỉ: tỉnh Quảng Trị (Giấy uỷ quyền ngày 23/11/2022)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông M Văn K, cư trú tại: khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: Ông Mai Văn C; cư trú tại: khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh

Quảng Trị.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Tấn P, Luật sư – Văn phòng Luật sư Thiên P; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị.
2. Bà Võ Thị H, cư trú tại: khu phố 9, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.
3. Chị M Thị Hải Y; cư trú tại: khu phố 1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.
4. Chị M Thị Thu H; cư trú tại: khu phố 9, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.
5. Chị M Thị Ngọc U; cư trú tại: khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Mai Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị M trình bày:

Nguồn gốc thửa đất của gia đình bà M được bố mẹ ông M Văn T (*chồng bà M*) để lại, và được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 330607 ngày 22/5/2001 tại thửa đất số 24 tờ bản đồ số 15, diện tích 722m²; địa chỉ thửa đất tại khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Năm 2015, ông M Xuân T chết và thừa kế lại quyền sử dụng đất cho bà M, con là M Văn K thành viên trong hộ gia đình đồng ý tặng cho bà M quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung của hộ và thừa kế của ông M Xuân T, đã được chỉnh lý trang 4 cho bà Võ Thị M vào ngày 27/8/2018, nên bà M được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất nói trên. Ranh giới theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M với đất gia đình ông Mai Văn C hộ liền kề là một đường thẳng. Quá trình sử dụng đất kể từ sau khi hai gia đình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông C đã nhiều lần lấn chiếm, hiện tại diện tích lấn chiếm 109,2m², gia đình bà M đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông C trả lại diện tích đất đã lấn chiếm nhưng ông C không trả mà còn coi nói mái che phần nhà bếp, làm chuồng nuôi lợn vào đất bà M, bắt buộc bà M phải xây 1 đoạn hàng rào bằng bờ lô để chắn mùi hôi và trồng hàng cây chua mót để tạm thời giữ hiện trạng đất. Nay, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hộ ông Mai Văn C, bà Võ Thị H phải trả lại diện tích đất 109,2m², đồng thời buộc ông C, bà H phải di dời toàn bộ tài sản, cây cối đã trồng ra khỏi diện tích đất nói trên.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 20/12/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Văn C và người đại diện hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Hộ gia đình ông Mai Văn C được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 330641 ngày 22/5/2001 tại thửa đất số 39 tờ bản đồ số 15, diện tích 1.141m²; địa chỉ thửa đất tại khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Tại thời điểm cấp đất hộ gia đình ông C gồm có bà Võ Thị H (*vợ ông C*),

các con là chị M Thị Hải Y, chị M Thị Thu H và chị M Thị Ngọc U. Nguồn gốc thửa đất do ông bà ông C để lại, không biến động, không thay đổi, ranh giới giữa hai thửa đất hiện nay là hàng rào, hàng cây chua mót do gia đình bà M trồng, nhà bếp, mái che và chuồng heo do gia đình ông C xây trước năm 2000. Cây cối trên đất có từ thời ông bà để lại, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M. Đề nghị Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M cấp cho hộ ông M Văn T đã được chỉnh lý cho bà M ngày 27/8/2018, vì UBND tỉnh Quảng Trị cấp đất cho gia đình bà M chồng lên đất của gia đình ông C đang sử dụng.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H, chị M Thị Hải Y, chị M Thị Thu H và chị M Thị Ngọc U: Nhất trí với ý kiến của ông Mai Văn C đã trình bày.

Tại Văn bản số 2656/UBND-KT ngày 13 tháng 6 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị trình bày:

Ngày 22/5/2001 Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 1146/QĐUB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 97 hộ gia đình, cá nhân tại khóm 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Theo đó, hộ ông M Văn T được UBND tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 330607 ngày 22/5/2001 tại thửa đất số 24 tờ bản đồ số 15, diện tích 722m² (trong đó 200m² đất ở và 522m² đất vườn); tại thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị

Năm 2018, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện G nhận được hồ sơ đăng ký biến động của bà Võ Thị M do nhận thừa kế toàn bộ thửa đất của ông M Văn T, ngày 27/8/2018 Văn phòng đăng ký đất đai chỉnh lý trang 4 sang cho bà Võ Thị M. Trình tự, thủ tục cấp đất cũng như chỉnh lý trang 4 theo quy định của pháp luật.

- Người làm chứng: Ông Đoàn Thanh D, ông Trần Văn M, ông Trần Văn V, ông Hoàng Xuân Đ, ông M Văn V và ông Nguyễn Thanh K đều trình bày: Các ông đều sinh ra và lớn lên tại địa phương, biết được nguồn gốc đất của nhà ông Mai Văn C do ông bà để lại, nhà bếp gia đình ông C do bố mẹ ông C để lại từ trước năm 1975, ranh giới giữa gia đình ông C với bà M không thay đổi, ông C xây dựng không xảy ra tranh chấp với bà M.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 19-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 3 Điều 23 Luật Đất đai 1993;

- Căn cứ khoản 7 Điều 3, khoản 3 Điều 17, khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai 2013;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị M.

2. Buộc ông Mai Văn C và bà Võ Thị H trả lại cho bà Võ Thị M diện tích đất 109,2m² thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 15 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 330607 ngày 22/5/2001, địa chỉ thửa đất tại khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, có vị trí như sau:

- Phía Bắc giáp đất bà M có cạnh 19.83m + 6.31m + 10.80m + 9.68m;
- Phía Nam giáp đất ông C có cạnh 16.42m + 10.29m + 18.94m;
- Phía Đông giáp đường hẻm có cạnh 0,50m.

3. Buộc ông Mai Văn C và bà Võ Thị H tháo dỡ tài sản (*phần nhà bếp, chuồng heo, mái che*) đã xây dựng và di dời toàn bộ cây cối, tài sản trên diện tích đất 109,2m². (*Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ký ngày 20/7/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện G*).

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Mai Văn C về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R330607 ngày 22/5/2001 do UBND tỉnh Quảng Trị cấp cho hộ ông M Văn T, chỉnh lý trang 4 cho bà Võ Thị M ngày 27/8/2018.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Kháng cáo:

Ngày 31/8/2022, bị đơn ông Mai Văn C nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người kháng cáo ông Mai Văn C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn trình bày:

Theo các tài liệu do Tòa án thu thập gồm: Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 16/9/2021 của UBND thị trấn G, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/3/2022, lời khai của những người làm chứng thể hiện đất của gia đình bà M và gia đình ông C đều có nguồn gốc ông bà để lại từ năm 1975, ranh giới đất giữa hai gia đình là hàng cây chua mót có từ trước đến nay.

Tại phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/3/2020 của Trung tâm Kỹ thuật T nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị, thể hiện tình hình thay đổi ranh giới thửa đất so với khi có giấy tờ là ổn định, do sai sót đo đạc nên xác định lại ranh giới sử dụng đất.

Bà M không chứng minh được các tài sản của gia đình ông Mai Văn C trên diện tích đang tranh chấp đều hình thành sau thời điểm gia đình bà được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 330607 ngày 22/5/2001.

Do đó, bản án sơ thẩm buộc ông C trả cho bà M 109,2m² đất cho là lấn chiếm là không có cơ sở. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R330607 ngày 22/5/2001 do UBND tỉnh Quảng Trị cấp cho hộ ông M Văn T đã chồng lấn lên diện tích đất của

ông C sử dụng từ 1975 đến nay là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông C, tuyên huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông M Văn T để cấp lại.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập năm 1998, ranh giới giữa hai thửa đất là một đường thẳng. Năm 2001, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, ông Mai Văn C không khiếu nại về sơ đồ thửa đất. Diện tích đất thực tế hiện nay của bà M là thiếu so với diện tích đất ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi đó diện tích đất thực tế của ông C lớn hơn diện tích đất ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, có cơ sở cho rằng gia đình ông C đã lấn chiếm đất của bà M, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C trả lại diện tích đất lấn chiếm là 109,2m² là đúng, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Hộ gia đình bà M năm 2001 được cấp diện tích 722m², sau khi được cấp gia đình bà M không chuyển nhượng, tặng cho ai mà diện tích còn lại 597,2m². Hộ ông C năm 2001 được cấp 1.141m², năm 2010 chuyển nhượng cho ông M Luận diện tích 184m²; năm 2017 tặng cho ông bà M Thị Ngọc U và Trương Công Sơn 183m², diện tích còn lại 774m² nhưng hiện nay hiện trạng sử dụng lên đến 974,1m². Sơ đồ kèm theo giấy chứng nhận thể hiện ranh giới của hai thửa đất là một đường thẳng. Do đó, có cơ sở xác định phần diện tích đất tranh chấp 109,2m² là do ông C lấn chiếm, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C trả lại là đúng, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Theo Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai thị trấn G lập ngày 23/6/2000, hộ ông M Văn T và hộ ông Mai Văn C kê khai nguồn gốc đất sử dụng từ năm 1975. Theo Sổ mục kê lập năm 2001, đất hộ ông Mai Văn C diện tích 1.141m², trong đó 200m² đất ở và 941m² đất vườn, tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 15, ngày 22/5/2001 được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 330641 diện tích 1.141m²; còn hộ bà Võ Thị M diện tích đất 722m², trong đó 200m² đất ở và 522m² đất vườn, tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 15, ngày 22/5/2001 được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 330607 diện tích 722m².

[2] Như vậy, đất của gia đình bà M và gia đình ông C đều có nguồn gốc ông bà để lại nhưng sau năm 1975 không đăng ký kê khai, đến năm 1998 mới thực hiện việc đăng ký kê khai trên cơ sở đo đạc theo hiện trạng sử dụng, cả 2 gia đình đều được

UBND tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng 97 hộ gia đình, cá nhân tại khóm 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị vào ngày 22/5/2001. Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập năm 1998, ranh giới giữa hai thửa đất là một đường thẳng và sơ đồ kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2001 cũng thể hiện ranh giới của hai thửa đất là một đường thẳng.

[3] Tại Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 16/9/2021 của UBND thị trấn G, huyện G đã ghi ý kiến của bà Võ Thị M: *“Ranh giới theo hiện trạng hàng rào chưa mót và hàng rào bê tông là do gia đình bà tự trồng và xây dựng và hàng rào bê tông gia đình bà mới xây, hàng rào chưa mót gia đình bà trồng sử dụng từ lâu”*, ý kiến của ông Nguyễn Hữu T – Chủ tịch UBND thị trấn G: *“Ranh giới giữa gia đình bà M và ông C theo ý kiến các hộ dân sống lâu năm tại khu phố 3 là ổn định không thay đổi từ trước đến nay, do vậy 2 gia đình cần bàn bạc thống nhất ranh giới sử dụng đất tránh tình trạng tranh chấp kéo dài”* và ý kiến của ông Đoàn Thanh D – Khu phố trưởng khu phố 3: *“Ông cùng sinh sống lâu năm với gia đình bà M nên biết hiện trạng là ổn định không thay đổi, cụ thể là có hàng rào chưa mót ổn định từ lâu năm không thay đổi từ trước đến nay”* (bút lục 03).

[4] Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/3/2022 (bút lục 65), thể hiện: *“Phía Đông diện tích đất đang tranh chấp có 03 cây mước trên 30 năm tuổi, một nhà bếp xây tập lô lợp brô xi măng và một chuồng heo xây bằng tập lô lợp brô xi măng. Phía Tây của diện tích đất đang tranh chấp có 01 cây trứng gà giáp với chuồng heo. Hàng rào xác định ranh giới hai hộ đang sử dụng từ đường P (phía Tây) kéo xuống phía Đông có một hàng rào xây bằng bê tông xi măng có chiều dài 19,83m..... và hàng rào được trồng bằng cây chua mót, cây chè tàu, hàng rào do bà Võ Thị M xây và trồng”* (bà Võ Thị M thống nhất với kết quả thẩm định này, đã ký vào biên bản).

[5] Tại các Biên bản xác minh của Toà án nhân dân huyện G (bút lục 99-104), những người làm chứng gồm ông Đoàn Thanh D, ông Trần Văn M, ông Trần Văn V, ông Hoàng Xuân Đ, ông M Văn V và ông Nguyễn Thanh K đều xác nhận: *“ranh giới sử dụng đất giữa gia đình bà Võ Thị M và ông Mai Văn C từ trước đến nay sử dụng ổn định và không có sự thay đổi; các tài sản trên diện tích đất đang tranh chấp có một nhà bếp do bố mẹ của ông Mai Văn C để lại từ trước năm 1975 và có một giếng đào năm 1977”*.

[6] Tại phiên toà sơ thẩm ngày 19/8/2022, những người làm chứng gồm ông Đoàn Thanh D, ông Trần Văn M, ông Trần Văn V, ông Hoàng Xuân Đ đều xác nhận ranh giới giữa hai gia đình là hàng cây chua mót có từ trước đến nay.

[7] Lời khai của những người làm chứng được Toà án nhân dân huyện G thu

thập và lời khai tại phiên toà sơ thẩm là giống nhau, không có sự mâu thuẫn. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng lời khai của những người làm chứng thiếu tính khách quan và không xem xét lời khai của những người làm chứng là thiếu căn cứ vững chắc.

[8] Bà Võ Thị M cho rằng các tài sản của gia đình ông Mai Văn C trên diện tích đang tranh chấp đều hình thành sau thời điểm gia đình bà được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 330607 ngày 22/5/2001 nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

[9] Mặt khác, bà Võ Thị M cho rằng ông Mai Văn C đã xây dựng lấn chiếm đất của gia đình bà từ năm 2003 nhưng từ thời điểm đó đến năm 2019 không có tài liệu, chứng cứ thể hiện gia đình bà có đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết, buộc ông Mai Văn C phải trả lại diện tích đất lấn chiếm. Khi xây dựng tường rào bê tông vào năm 2010, chính gia đình bà Võ Thị M là người xây dựng và thời điểm này cũng không xảy ra tranh chấp. Bà Võ Thị M có đơn tranh chấp khi có chủ trương đo đạc cấp lại giấy chứng nhận vào năm 2020 và chỉ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẽ ranh giới giữa hai thửa đất là một đường thẳng để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

[10] Do đó, có cơ sở xác định gia đình ông Mai Văn C là người sử dụng diện tích đất tranh chấp từ trước khi gia đình bà Võ Thị M được cấp giấy chứng nhận và thửa đất đã có ranh giới ổn định từ trước đến nay, ranh giới giữa hai thửa đất là hàng cây chua mót và tường bê tông do gia đình bà Võ Thị M xây dựng.

[11] Vì vậy, việc bà Võ Thị M khởi kiện cho rằng ông Mai Văn C coi nói, lấn chiếm đất của gia đình bà là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Mai Văn C trả lại cho bà Võ Thị M 109,2m² đất là không đúng. Việc cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẽ ranh giới giữa hai thửa đất là một đường thẳng là không đúng với hiện trạng sử dụng đất đã tồn tại trên 30 năm. Do vẽ ranh giới giữa hai thửa đất không đúng với thực tế sử dụng đất nên dẫn đến diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không chính xác, có sự chênh lệch so với thực tế.

[12] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Mai Văn C, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M và chấp nhận yêu cầu của ông C, huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Võ Thị M để cấp lại theo đúng diện tích đất thực tế sử dụng.

[13] Ông Mai Văn C là người cao tuổi được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của ông Mai Văn C;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 19-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M về việc buộc ông Mai Văn C phải tháo dỡ, di dời tài sản và trả lại cho bà Võ Thị M 109,2m² đất;

2. Tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R330607 ngày 22/5/2001 do UBND tỉnh Quảng Trị cấp cho hộ ông M Văn T, chỉnh lý trang 4 cho bà Võ Thị M ngày 27/8/2018.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số 0000046 ngày 26/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Quảng Trị.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Mai Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

5. Chi phí thẩm định tại chỗ:

Bà Võ Thị M phải chịu 4.160.000đ tiền chi phí thẩm định tại chỗ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tự

